

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác chuyển đổi số tài nguyên và Môi trường

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về xây dựng văn bản quy phạm, quy định quản lý kỹ thuật

a) Đã triển khai xây dựng, hoàn thiện trình Bộ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cơ bản đáp ứng cầu triển khai chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử (CPĐT) hướng tới Chính phủ số.

b) Cục đã tiếp tục triển khai xây dựng quy định kỹ thuật về xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực địa chất, khoáng sản, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo, viên thám để hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, trình Bộ trưởng ban hành trong năm 2025; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật bảo đảm cơ sở pháp lý phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường; hoàn thiện các Quyết định phê duyệt hồ sơ cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin.

Danh mục các văn bản về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin đã được Bộ ban hành năm 2023 - 2024 cụ thể tại Phụ lục 1.

2. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, liên thông, tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia

Đã cơ bản thực hiện hoàn thành theo yêu cầu, chỉ tiêu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

a) Cung cấp 86¹ Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), trong đó 33 DVCTT mức độ toàn trình trong tổng số 40 DVCTT đủ điều kiện toàn trình (chiếm tỷ lệ 82,5% năm 2024 đạt 100%); kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư, nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) và công kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Cổng eSign) của Bộ Thông tin và Truyền thông, hoàn thành tích hợp phương thức đăng nhập thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử VneID. Đã tích hợp, cung cấp 84 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 100% đủ điều kiện.

d) Tiếp tục hoàn thiện, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 bãi bỏ 02 TTHC lĩnh vực đất đai.

đ) Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, dự kiến hoàn thành 100% trong năm 2024 số hóa các hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; đã hoàn thành xây dựng, thiết lập Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên HTTT giải quyết TTHC của Bộ, kết nối với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử

3.1. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số

Hạ tầng kỹ thuật CNTT, hạ tầng số tại Bộ sử dụng chung, quản lý tập trung tại các Trung tâm dữ liệu, đã từng bước được nâng cấp qua các dự án của Bộ, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, có khả năng mở rộng linh hoạt, khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng an toàn thông tin, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, xử lý... cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở TN&MT. Cục được Bộ giao vận hành 03 Trung tâm dữ liệu (02 tại Hà Nội; 01 dự phòng tại thành phố Hồ Chí Minh), cụ thể:

- Hệ thống máy chủ theo công nghệ ảo hóa và điện toán đám mây, dùng đến đâu cung cấp đến đó bảo đảm tiết kiệm tài nguyên của hệ thống. Hiện tại đã cung cấp trên 752 máy chủ, CPU (VCore): 7.748, RAM (Gb): 20.954 cho các hệ thống của Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ, hỗ trợ một số Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Hệ thống mạng, thiết bị mạng tại trụ sở Bộ bảo đảm cung cấp dịch vụ kết nối, bảo đảm an ninh mạng. Kết nối qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng của chính phủ và 2 đường truyền internet 700Mbps của 2 nhà mạng khác nhau bảo đảm phân tải dự phòng; băng thông mạng lõi 100GE, vùng máy chủ tối thiểu 10GE.

- Triển khai chữ ký số, chứng thư số, chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong tất cả các đơn vị thuộc Bộ bảo đảm chỉ đạo, điều hành, công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ trên môi trường số. Tổng số chứng thư số đã cấp 3.611 (đã thu hồi 508); tổng số hiện đang sử dụng 3.103, 2.923 cá nhân và 180 tổ chức, trên thiết bị di động 314.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành chuyển đổi IPv6 theo Chương trình IPv6 For Gov.

3.2. Xây dựng các hệ thống thông tin/ cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

a) Về xây dựng văn bản quy phạm về CSDL: Cục đang phối hợp với các lĩnh vực, đơn vị của Bộ thực hiện các hạng mục trong các dự án nhằm hoàn thiện các quy định kỹ thuật về CSDL, các nền tảng về dữ liệu, dữ liệu lớn; an toàn thông tin, chống thất thoát dữ liệu; kết nối, tích hợp, chia sẻ, sử dụng thông tin dữ liệu.

b) Về xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia

- Đối với cơ sở dữ liệu đất đai do Trung ương xây dựng: Đã xây dựng xong 4 dữ liệu thành phần, bao gồm: Dữ liệu về hiện trạng sử dụng đất cấp vùng và cả nước; dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; dữ liệu về khung giá đất; dữ liệu về điều tra cơ bản về đất đai cấp vùng và cả nước.

- Đối với cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương xây dựng: 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai; 455/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp; 705/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (từ kỳ kiểm kê 2019) và đưa vào vận hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương; 325/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; 300/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất; 63/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với dữ liệu của 461/705 đơn vị hành chính cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị hành chính cấp xã. Dữ liệu đất đai các địa phương đã xây dựng, làm sạch thường xuyên, liên tục được đưa vào sử dụng ngay, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư để cắt giảm các thủ tục hành chính cho người dân, tránh lãng phí.

- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai đang phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu tập trung, thống nhất, hoàn thành vào năm 2025 theo Luật đất đai 2024.

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia

Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phân đất liền tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 phủ trùm cả nước; đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 các khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, khu vực kinh tế trọng điểm; đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia cho một số khu vực trên vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:10.000, 1:50.000; đã kết nối chia sẻ, cung cấp cho Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ, công tác lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi số.

d) Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn

Đã và đang tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu quan trắc bao gồm: CSDL quan trắc thời gian thực của các trạm quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV) và môi trường tự động; CSDL quan trắc KTTV của các trạm quan trắc thù công; Dữ liệu vệ tinh thời tiết; Dữ liệu radar thời tiết; Dữ liệu định vị sét; Dữ liệu sản phẩm NWP; Dữ liệu quan trắc quốc tế nhận được thông qua hệ thống GTS của WMO; CSDL về thiên tai và rủi ro thiên tai.

đ) Cơ sở dữ liệu môi trường

Đã xây dựng và hoàn thiện CSDL môi trường quốc gia giai đoạn 1 làm nền tảng quản lý chia sẻ dữ liệu trong toàn lĩnh vực môi trường và cung cấp dữ liệu chia sẻ dùng chung về môi trường cho các cơ quan, bộ, ngành khác. Ngoài CSDL môi trường quốc gia giai đoạn 1, lĩnh vực môi trường đã và đang xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phần, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của ngành như: Hệ thống thông tin CSDL đa dạng sinh học quốc gia; Phần mềm CSDL tư liệu môi trường; phần mềm hỗ trợ quản

lý, khai thác thư viện môi trường; Phần mềm báo cáo về hiện trạng loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Phần mềm phục vụ công tác điều hành tác nghiệp của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; CSDL chất thải rắn thông thường; CSDL làng nghề; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thanh tra môi trường; Cơ sở dữ liệu giám sát, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Hệ thống thông tin, CSDL báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu quản lý nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc tự động (Envisoft); Hệ thống thông tin lưu vực sông Nhuệ - Đáy; Hệ thống thông tin lưu vực sông Đồng Nai; Hệ thống thông tin lưu vực sông Cầu;...

e) Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

Đã xây dựng, hoàn thiện CSDL quy hoạch tài nguyên nước; CSDL lưu vực sông, hồ chứa; CSDL quản lý giấy phép tài nguyên nước; CSDL giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; CSDL quan trắc tài nguyên nước... đang xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong “Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025”.

g) Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản

Đã tổ chức triển khai xây dựng, tiếp tục hoàn thiện các bản đồ số địa chất khoáng sản các tỉ lệ 1:1.000.000, 1:500.000, 1:200.000; CSDL quản lý giấy phép hoạt động khoáng sản; CSDL tính tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; CSDL dữ liệu thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản giai đoạn 2006-2020; CSDL thống kê, kiểm kê khoáng sản rắn; CSDL địa chất, khoáng sản vùng Tây Bắc; CSDL môi trường khoáng sản độc hại; CSDL môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:250.000; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CSDL từ điển thuật ngữ dùng chung phục vụ cho công tác chuẩn hoá, xây dựng, cập nhật dữ liệu; CSDL nền địa chất quốc gia, tỷ lệ 1:1.000.000, 1:500.000 và 1:250.000; CSDL công tác thi công công trình; CSDL địa vật lý; CSDL nền địa chất tỷ lệ 1:50.000 và các bản đồ chuyên đề (sinh khoáng, địa hóa, địa mạo...); CSDL mẫu vật và bảo tàng địa chất; CSDL tai biến địa chất, địa chất môi trường; CSDL di sản địa chất, công viên địa chất; CSDL địa chất công trình - địa chất thủy văn; CSDL báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản; CSDL hồ sơ khai thác khoáng sản; CSDL hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản. Tiếp tục triển khai để hoàn thiện, sử dụng trong quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và cung cấp, chia sẻ theo quy định.

h) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo

Được hình thành, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CSDL địa hình đáy biển; CSDL ranh giới biển Việt Nam; CSDL khí tượng thủy văn biển; CSDL địa chất khoáng sản biển; CSDL dầu khí; CSDL môi trường biển; CSDL tài nguyên đất ven biển và hải đảo Việt Nam; CSDL tài nguyên nước vùng ven biển và đảo Việt Nam; CSDL ảnh vệ tinh phục vụ quan trắc và giám sát TNMT biển; CSDL các điều kiện tự nhiên, tài nguyên vị thế, kỳ quan sinh thái biển; CSDL đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy, hải sản vùng biển Việt Nam; CSDL phục vụ các nhiệm vụ kinh tế kỹ thuật và quốc phòng an ninh trên biển và thềm lục địa Việt Nam; CSDL về hệ thống các cửa sông và hệ thống đê biển; CSDL tổng hợp với các bộ dữ liệu về kinh tế xã hội; thiên tai biển; giao thông vận tải biển và dữ liệu về các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ biển.

i) Cơ sở dữ liệu viễn thám

Đã và đang triển khai xây dựng CSDL viễn thám quốc gia; CSDL viễn thám đa mục tiêu vùng đồng bằng sông Cửu Long; CSDL giám sát môi trường biển và hải đảo bằng công nghệ viễn thám; CSDL giám sát sỏi lở khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám...

k) Cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu

Đã và đang tổ chức xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu; CSDL giám sát biến đổi khí hậu; CSDL về kiểm kê khí nhà kính; CSDL về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; CSDL về thích ứng biến đổi khí hậu...

l) Các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường khác:

Đang tổ chức xây dựng, hoàn thiện CSDL công chức, viên chức, người lao động Bộ Tài nguyên và Môi trường (đã đồng bộ lên CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức); CSDL liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; CSDL về quan trắc tài nguyên và môi trường...

Thống kê các hệ thống thông tin/CSDL của Bộ tại Phụ lục 2.

3.3. Triển khai vận hành nền tảng số, hệ thống thông tin

a) Nền tảng số

- Nền tảng định danh và xác thực người dùng hệ thống duy nhất, dùng chung cho tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, kết nối với CSDL công chức viên chức liên thông với CSDL quốc gia về công chức viên chức của Bộ Nội vụ (hiện tại đã kết nối đạt 84,23%).

- Nền tảng tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP) kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), với 276 dịch vụ, 1.152.943 giao dịch trong tháng 9/2024, nâng tổng số giao dịch trong năm 2024 là 8.716.243 giao dịch; số lượng văn bản điện tử (ký số) gửi, nhận trong tháng 9/2024 là 10.567 văn bản, trong năm 2024 là 103.541 văn bản trên Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng kết nối, liên thông nội bộ.

- Nền tảng họp trực tuyến phục vụ làm việc trực tuyến và họp không giấy tờ.

- Nền tảng IOT và thu nhận dữ liệu camera kết nối trực tiếp các camera, thiết bị quan trắc, cảm biến của các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nền tảng cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu lớn (big data) dùng chung.

- Nền tảng Kho lưu trữ điện tử dùng chung;

- Nền tảng Cổng thông tin điện tử dùng chung;

- Nền tảng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

b) Hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành tài nguyên và môi trường

- Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử: đáp ứng yêu cầu công tác gửi, nhận, xử lý văn bản của Bộ, cơ bản 100% văn bản điện tử gắn với chữ ký số;

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (Một cửa điện tử, ổng Dịch vụ công trực tuyến; hệ thống dịch vụ công thiết yếu; Một cửa quốc gia; Kho dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính);
- Hệ thống CSDL công chức, viên chức;
- Hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý kế hoạch - tài chính;
- Hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý khoa học và công nghệ;
- Hệ thống hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo ngành tài nguyên và môi trường...).
- Hệ thống thông tin báo cáo ngành tài nguyên và môi trường;
- Cổng thông tin điện tử Bộ và các đơn vị thuộc Bộ.
- Hệ thống họp trực tuyến, quản lý các cuộc họp;
- Hệ thống Tiếp nhận và Trả lời ý kiến công dân
- Hệ thống thông tin tham vấn, giải đáp và đánh giá thực thi chính sách pháp luật tài nguyên và môi trường (đang hoàn thiện);
- Trung tâm điều hành thông minh IOC (đang triển khai)

Các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử từng bước được xây dựng, hoàn thiện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ trên môi trường điện tử, trực tuyến; kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin của Chính phủ, với các cơ sở dữ liệu quốc gia, của các bộ, ngành qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và góp phần phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06/CP)

4.1. Về Dịch vụ công trực tuyến

a) Đối với dịch vụ công theo Đề án 06/CP:

Bộ đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình, thực hiện kết nối, tích hợp, công bố, cung cấp DVCTT “Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên”² trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối với CSDLQG về dân cư, đến nay đã có **63/63** tỉnh, thành phố triển khai, trong tháng 11/2024 phát sinh **4.313** hồ sơ, nâng tổng số hồ sơ phát sinh năm 2024 là **60.561** hồ sơ.

b) Đối với dịch vụ theo Quyết định số 422/QĐ-TTg:

(1) Thủ tục “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không

² Đổi tên theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng”³: Đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình, thực hiện kết nối, tích hợp, công bố, cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, đến nay đã có **63/63** tỉnh, thành phố triển khai, trong tháng 11/2024 phát sinh **12.712** hồ sơ, nâng tổng số hồ sơ phát sinh năm 2024 là **237.179** hồ sơ.

c) Về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- 100% kết quả giải quyết TTHC đều được trình ký số, phát hành theo quy định pháp luật về công tác văn thư (trừ thủ tục “Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ”), Bộ thực hiện trả cả bản giấy và bản điện tử cho tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp TTHC chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử hoặc tổ chức, cá nhân có đề nghị khác. Khi có kết quả giải quyết TTHC thành công, các hồ sơ, giấy tờ được số hóa, có giá trị pháp lý như hồ sơ giấy và trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC thì được sử dụng trong thực hiện các TTHC khác của tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đã thực hiện số hóa đối với các hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo ước tính đã đạt khoảng 36% tổng số các hồ sơ TTHC (đã bố trí kế hoạch hoàn thành 100% trong năm 2024), trong đó tập trung vào quá trình giải quyết TTHC và quá trình báo cáo trình Bộ phê duyệt và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC hoàn toàn điện tử trên môi trường mạng.

- Đã hoàn thành xây dựng, thiết lập Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên HTTT giải quyết TTHC của Bộ; kết nối với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia.

4.2. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

a) Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

- Đã xây dựng xong 4 dữ liệu thành phần đối với cơ sở dữ liệu đất đai do Trung ương quản lý.

- Đối với cơ sở dữ liệu đất đai do địa phương xây dựng: 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai; 455/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp.

- 63/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với dữ liệu của 461/705 đơn vị hành chính cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị hành chính cấp xã; 48/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Dữ liệu đất đai các địa phương đã xây dựng, làm sạch thường xuyên, liên

³ Đổi tên theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

tục được đưa vào sử dụng ngay, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư để cắt giảm các thủ tục hành chính cho người dân, tránh lãng phí.

- Bộ đang tiếp tục xây dựng các dự án về xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai để triển khai ở địa phương; đang triển khai xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu tập trung, thống nhất, với mục tiêu hoàn thành vào năm 2025 theo Luật đất đai 2024.

b) Về xây dựng giải pháp làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai quốc gia; kết nối, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, giao dịch bất động sản

- Theo nhiệm vụ giao trong Đề án 06/CP, Bộ đã chỉ đạo làm điem làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở và đã hoàn thành điều tra, thu thập thông tin tại các đơn vị hành chính được lựa chọn tại thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam. Đây là căn cứ để xây dựng, hoàn thiện dự thảo “*Quy trình làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ đơn giản hoá thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp*”, đang trình Bộ ban hành.

- Theo yêu cầu về phục vụ đơn giản hoá thủ tục hành chính về cư trú trong ngành công an của Đề án 06/CP, Bộ đã chỉ đạo Cục Chuyên đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường, Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai phối hợp chặt chẽ với Cục C06 và các đơn vị liên quan thử nghiệm và đã triển khai tại Bình Dương, Đồng Nai cung cấp dịch vụ công giải quyết TTHC về cư trú trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai với CSDL quốc gia về dân cư.

4.3. Về xây dựng địa chỉ số quốc gia

- Thực hiện Kết luận của Tổ Công tác triển Khai Đề án 06/CP tại Thông báo số 880/BC-TCTTKĐA ngày 02/5/2024, Bộ đã tham mưu và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024, trong đó có **Điều 53. Địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất** và đã quy định chi tiết về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024.

- Đã cử thành viên của Bộ Tài nguyên và Môi trường là lãnh đạo, chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về dữ liệu, thông tin đất đai, địa chỉ số và chuyên đổi số tham gia Tổ chuyên gia xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định danh địa điểm.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo phân công của Tổ Công tác Đề án 06/CP thực hiện xây dựng địa chỉ số quốc gia.

4.4. Các nhiệm vụ chính tiếp tục thực hiện

a) Triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, hệ thống thông tin đất đai quốc gia; thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Cung cấp dịch vụ công thiết yếu giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, cấp tỉnh, kết nối với CSDLQG về dân cư.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện xây dựng địa chỉ số quốc gia theo phân công của Tổ Công tác Đề án 06/CP.

d) Hoàn thành làm giàu, làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở, kết nối, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở, giao dịch bất động sản và giải quyết TTHC về quản lý cư trú.

đ) Nghiên cứu, phối hợp với Cục C06, các địa phương xây dựng đề xuất về phương hướng, phạm vi, quy mô, quy trình kỹ thuật gắn với việc cấp đổi, cấp lại GCNQSD, cập nhật vận hành cơ sở dữ liệu đất đai để triển khai rộng rãi trên cả nước.

e) Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ rà soát, tái cấu trúc quy trình các thủ tục sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về dân cư để công bố và cập nhật, tích hợp, cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công Dịch vụ công quốc gia; số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

g) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho các hệ thống thông tin của Bộ phục vụ kết nối dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

5. Công tác an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về ATTT

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên dưới mọi hình thức về công tác bảo đảm ATTT, bảo vệ an ninh mạng trong các đơn vị thuộc Bộ.

- Tổ chức các cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm ATTT đối với các hệ thống thông tin của Bộ. Tổ chức giao ban về công tác An toàn thông tin 6 tháng 1 lần.

- Thường xuyên tham gia các cuộc diễn tập về an toàn thông tin quốc tế, quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tư lệnh 86 và các đơn vị liên quan tổ chức.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, phổ biến về ATTT; cử cán bộ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo chuyên sâu, nâng cao do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

b) Hạ tầng bảo đảm ATTT hạ tầng số dùng chung

- Tại các Trung tâm dữ liệu của Bộ tại Hà Nội đều có các giải pháp An toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

- Hệ thống tường lửa 7 lớp tích hợp tường lửa Web, ngăn chặn tấn công từ các máy tính nội bộ, phòng chống DDOS, APT tại 2 Trung tâm dữ liệu theo công nghệ học máy bảo đảm phòng chống các cuộc tấn công từ các đối tượng khác nhau vào hệ thống mạng của Bộ. Thu thập log file kết nối với hệ thống an ninh mạng quốc gia và Bộ Công An (mỗi trung tâm có 2 thiết bị tường lửa của hãng Fortinet).

- Hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống thư điện tử.

- Hệ thống SOC cảnh báo, giám sát các rủi ro về An toàn thông tin và phòng chống tấn công mạng theo mọi hình thức. (Hệ thống Siem của hãng IBM thu nhận log và phân tích cảnh báo lỗ hổng bảo mật, hệ thống dò quét, quản lý lỗ hổng bảo mật và hệ thống dò quét lỗ hổng bảo mật mã nguồn).

- 100% các máy chủ và các máy cá nhân của cán bộ Công chức trong Bộ đều được cài đặt bằng phần mềm virus Kaspersky có bản quyền được mua hàng năm bằng kinh phí thường xuyên.

c) Hoạt động bảo đảm an toàn thông tin

- Bộ đã hoàn thành rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, nền tảng LGSP của Bộ đề kết nối, khai thác CSDL quốc gia về dân cư (Đề án 06/CP) phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp DVCTT tin theo văn bản số 1552/BTTTT-THH 1552/BTTTT-THH và 708/BTTTT-CATTT ngày 02/03/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Vận hành trung tâm giám sát, phân tích và điều hành an ninh mạng Bộ (SOC) kết nối, chia sẻ với Trung tâm an toàn không gian mạng quốc gia, giải pháp dò quét, quản lý lỗ hổng bảo mật, giải pháp dò quét lỗ hổng bảo mật Source Code... Bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ phù hợp theo mô hình 4 lớp; đảm bảo 100% máy chủ của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; 100% hệ thống thông tin cấp độ 1 đến cấp độ 4 được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Hoạt động giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu của Bộ được thực hiện thường xuyên, liên tục; phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn và các cuộc tấn công mạng, không để xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

- Thường xuyên tổ chức khắc phục điểm yếu, gỡ bỏ mã độc cho các máy máy chủ tại các Trung tâm dữ liệu và máy tính cá nhân tại các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ khắc phục các điểm yếu, gỡ bỏ các mã độc cho các máy tính của các đơn vị.

- Đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hoạt động ứng cứu sự cố của Đội ứng cứu sự cố và bảo đảm an toàn thông tin tại Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng Quy chế hoạt động.

d) Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Tổ chức thẩm định hồ sơ cấp độ, phương án đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, phê duyệt, trình phê duyệt theo quy định; đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt hồ sơ cấp độ, phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo yêu cầu của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 23/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Công điện số 33/CD-TTg ngày 7/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng. Cục đã đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ theo hướng dẫn tại Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Kết quả đạt được như sau:

- Số hệ thống thông tin cấp độ 2, 3 là 98 hệ thống trong đó:

+ Số HTTT cấp độ 2: 76 hệ thống;

+ Số HTTT cấp độ 3: 22 hệ thống;

Phân đầu đến cuối năm 2024 hoàn thành phê duyệt cấp độ đạt 100%.

6. Ứng dụng CNTT tại các Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tình hình tổ chức đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin, thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

- 27 Sở có tổ chức Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

- 06 Sở ghép vào Trung tâm Kỹ thuật, Trung tâm phát triển quỹ đất.

- 30 Sở ghép vào Văn phòng Đăng ký đất đai.

Thông kê chi tiết tại Phụ lục 3.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn chính

- Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của Sở.

- Xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị, cơ quan theo quy định.

- Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn;

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tư liệu, thông tin; cung cấp dịch vụ công về khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

c) Kết quả công tác

- Đã thực hiện số hóa, xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ CSDL tài nguyên và môi trường, phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến giải quyết thủ tục hành chính.

- Thu thập, chỉnh lý, chuẩn hóa và lưu trữ tài liệu, thông tin tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện dịch vụ công cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân.

d) Các khó khăn, vướng mắc

- Trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng số thiếu; kinh phí dành cho chuyển đổi số, cho duy trì vận hành các CSDL, hệ thống thông tin hạn chế;

- Nhân lực để thực hiện nhiệm vụ hạn chế về số lượng và trình độ;

- Sử dụng CSDL trong công tác, chuyên môn, giải quyết TTHC còn hạn chế dẫn đến dữ liệu không đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”; việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu còn yếu, dẫn đến khó khăn tiếp cận dữ liệu, một số nơi còn cát cứ dữ liệu, không chia sẻ sử dụng hoặc không chia sẻ được dữ liệu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, cơ chế tạo thuận lợi chuyển đổi số tài nguyên và môi trường; hoàn thiện quy định kỹ thuật tạo cơ sở pháp lý về CSDL tài nguyên và

môi trường, kết nối, liên thông các CSDLQG phục vụ thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử, quản lý, chuyên môn; chuyển đổi phương thức làm việc lên môi trường số: xây dựng, thực thi các quy chế vận hành các hệ thống thông tin; chuẩn hóa quy trình hành chính nội bộ trên môi trường số; đổi mới xây dựng quy trình kỹ thuật đối với công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, quan trắc... ngành tài nguyên và môi trường theo phương thức số, lấy dữ liệu làm trung tâm, thu thập dữ liệu số tại nguồn, quản lý, chia sẻ, phân tích, xử lý trên công nghệ số...

2. Triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đúng thời hạn được giao tại Luật Đất đai 2024; bảo đảm kết nối với CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL quốc gia khác theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ để hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai địa phương tập trung thống nhất theo quy định, sử dụng triệt để CSDL trong công tác hàng ngày, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ giải quyết TTHC.

3. Xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia, lĩnh vực tài nguyên và môi trường; bảo đảm vận hành, sử dụng dữ liệu trong công tác hàng ngày, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; kết nối, cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân phát triển kinh tế số, xã hội số; phục vụ giải quyết TTHC..

4. Thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06/CP; nhiệm vụ được giao của UBQG về chuyển đổi số.

5. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giải quyết TTHC, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và số hóa, lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tích hợp, liên thông cung cấp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu về DVCTT được giao, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

6. Tiếp tục hoàn thiện, duy trì, vận hành hạ tầng số, nền tảng số bảo đảm hạ tầng số dùng chung cho các đơn vị thuộc Bộ, các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ, hỗ trợ các Sở Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động thông suốt phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, ngành trên môi trường điện tử trực tuyến, góp phần cải tiến, đổi mới phương thức làm việc của cán bộ, công chức, nâng cao hiệu quả công việc, phục vụ cải cách hành chính.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho các hệ thống thông tin/CSDL bảo đảm an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

8. Thu hút nhân lực về chuyển đổi số, đào tạo tập huấn về kỹ năng số, xử lý khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, góp phần chuyển đổi số ngành.

**CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THÔNG TIN
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

Phụ lục 1**Danh sách văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý
về chuyển đổi số ban hành năm 2023 -2024**

STT	Tên văn bản quy phạm pháp luật/văn bản quản lý	Năm ban hành
I	THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
1.	Thông tư số 15/2023/TT-BTNMT ngày 30/10/2023 Quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.	2023
VI	QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
2.	Quyết định số 3621/QĐ-BTNMT ngày 23/12/2022 ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2023.	2022
3.	Quyết định số 3621/QĐ-BTNMT ngày 23/12/2022 Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2023	
4.	Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 24/02/2023 ban hành Kế hoạch năm 2023 triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	2023
5.	Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 03/03/2023 ban hành Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.	2023
6.	Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2023 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	2023
7.	Quyết định số 2390/QĐ-BTNMT ngày 18/8/2023, ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2023
8.	Quyết định số 192/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2024 Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2024	2024

STT	Tên văn bản quy phạm pháp luật/văn bản quản lý	Năm ban hành
9.	Quyết định số 189/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2024 Ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ	2024
10.	Quyết định số 55/QĐ-BTNMT ngày 08/01/2024 Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược chuyển đổi số báo chí của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	2024
11.	Quyết định số 582/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2024 Ban hành Kế hoạch năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	2024
12.	Quyết định số 648/QĐ-BTNMT ngày 15/03/2024 Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.	2024
13.	Quyết định số 665/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2024 Công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.	2024
14.	Quyết định số 3290/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2024 Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	2024
15.	Quyết định số 3645/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2024 Ban hành Danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2024
16.	Quyết định số 3646/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2024 Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2024

Phụ lục 2

CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN/CƠ SỞ DỮ LIỆU HIỆN HÀNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

STT	Tên hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu	DNS/địa chỉ	Đơn vị vận hành	Ghi chú
I	Lĩnh vực quản lý đất đai			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Đăng ký và Dữ liệu đất đai; - Cơ sở dữ liệu về hiện trạng sử dụng đất cấp vùng và cả nước; - Phần mềm TK05: Phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai toàn quốc, vận hành theo mô hình tập trung tại cấp Trung ương. - Cổng thông tin đất đai: Hiện nay đang đồng bộ dữ liệu thuộc 9 tỉnh trong dự án VLAP lên cấp Trung ương để vận hành Cổng thông tin đất đai, phục vụ cá nhân và tổ chức khai thác thông tin đất đai. 	dolrid.monre.gov.vn	Cục Đăng ký và Dữ liệu đất đai	- Cổng thông tin đất đai đầu tư trương dự án VLAP;
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Quy hoạch và phát triển tài nguyên đất; - Dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; - Cơ sở dữ liệu về khung giá đất; - Cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản về đất đai cấp vùng và cả nước. 	dlrpd.monre.gov.vn	Cục Quy hoạch và phát triển tài nguyên đất	
II	Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; - Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; - Hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia; - Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu địa giới hành chính Việt Nam; - Hệ thống CSDL nền địa lý quốc gia 	dosm.gov.vn/	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý	
	<ul style="list-style-type: none"> Trang thông tin điện tử Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ; Trang thông tin điện tử Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ; - CSDL trọng lực quốc gia. 	visam.vn/ jgac.vn/	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	

III	Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1	Cổng thông tin điện tử Cục Quản lý tài nguyên nước; Trang thông tin, dữ liệu vận hành hồ chứa trên các lưu vực sông; Hệ thống giám sát tài nguyên nước.	dwrn.gov.vn quanly.dwrn.gov.vn gstnn.monre.gov.vn	Cục Quản lý tài nguyên nước	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử Trung tâm Quy hoạch điều tra Tài nguyên nước quốc gia; - Hệ thống cơ sở dữ liệu và trang thông tin cảnh báo dự báo tài nguyên nước; - Hệ thống tác nghiệp cảnh báo dự báo tài nguyên nước; - Hệ thống hạ tầng thông tin phục vụ cho công tác cảnh báo và dự báo tài nguyên nước. - CSDL quy hoạch tài nguyên nước; - CSDL lưu vực sông, hồ chứa; - CSDL quản lý giấy phép tài nguyên nước; - CSDL giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; - CSDL quan trắc tài nguyên nước; - CSDL báo cáo điều tra nguồn nước (thực hiện 26% khối lượng) - CSDL quan trắc nước dưới đất (thực hiện 76% khối lượng); - CSDL kiểm kê tài nguyên nước (đang thực hiện). 	nawapi.gov.vn	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
3	Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học Tài nguyên nước.	wri.vn	Viện Khoa học Tài nguyên nước	
4	Trang thông tin điện tử Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.	vnmc.gov.vn/	Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam	
IV	Lĩnh vực Khí tượng Thủy văn			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Tổng cục Khí tượng Thủy văn; - Trang thông tin điện tử Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia; - Hệ thống mạng thông tin Tổng cục Khí tượng Thủy văn; - Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin nghiệp vụ khí tượng thủy văn; - Phần mềm xử lý số liệu khí tượng bề mặt; 	vnmha.monre.gov.vn/ www.nchmf.gov.vn		

	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm xử lý số liệu điểm đo mưa; - Phần mềm xử lý và lập báo biểu số liệu bức xạ; - Phần mềm xử lý số liệu thủy văn vùng sông không ảnh hưởng thủy triều; - Phần mềm xử lý số liệu hải văn; - CSDL quan trắc Khí tượng thủy văn (đã số hóa, cập nhật 30%); - Số liệu đo mưa: đã cập nhật dữ liệu đến năm 2016; - Số liệu khí tượng bề mặt: đã cập nhật số liệu 60 trạm trong 30 năm (từ 1971 đến 2000); - CSDL số liệu bão; - CSDL số liệu về hiện tượng KTTV nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm. 			
2	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; - Hệ thống mạng, hạ tầng và máy chủ HPC; - Hệ thống thư điện tử; - Các CSDL, hệ thống thông tin của Viện. 	imh.ac.vn mail.imh.ac.vn	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
V	Lĩnh vực Địa chất - Khoáng sản			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Địa chất Việt Nam; - Hệ thống CSDL thống kê kiểm kê tài nguyên trữ lượng khoáng sản; - Hệ thống CSDL địa chất, khoáng sản vùng Tây Bắc. - CSDL bản đồ địa chất khoáng sản các tỉ lệ 1:1.000.000, 1/500.000, 1/200.000 (đã xây dựng được 12% theo yêu cầu); - CSDL điều tra đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng bauxit, quặng sắt laterit miền Nam Việt Nam; 	vgd.monre.gov.vn	Cục Địa chất Việt Nam	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Khoáng sản Việt Nam; - Hệ thống CSDL và phần mềm quản lý CSDL môi trường khoáng sản độc hại. - CSDL tính tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; 	dmrv.monre.gov.vn	Cục Khoáng sản Việt Nam	
3	Hạ tầng hệ thống thông tin Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.		Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	

VI	Lĩnh vực Môi trường			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Kiểm soát ô nhiễm; - Phần mềm nhận, truyền và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường Envisoft; - Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu thanh tra môi trường; - Cơ sở dữ liệu Giám sát, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; - Cơ sở dữ liệu Làng nghề; - Cơ sở dữ liệu chất thải rắn thông thường - Cơ sở dữ liệu Chất thải nguy hại; - Cơ sở dữ liệu quản lý nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. - CSDL Quản lý khu vực ô nhiễm tồn lưu; - CSDL báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); 	<p>pcd.monre.gov.vn</p> <p>thanhtra.ceid.gov.vn</p> <p>giamsatmoitruong.ceid.gov.vn</p> <p>langnghe.ceid.gov.vn</p> <p>chatthairan.ceid.gov.vn</p> <p>qlctnh.ceid.gov.vn</p> <p>nhapkhauphelieu.ceid.gov.vn</p>	Cục Kiểm soát ô nhiễm	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; - Cơ sở dữ liệu Môi trường quốc gia; - CSDL danh mục dùng chung lĩnh vực Môi trường; - Phần mềm báo cáo công tác bảo vệ môi trường doanh nghiệp; - Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS giai đoạn 1); - Hệ thống phần mềm Tư liệu môi trường; - Phần mềm thư viện điện tử môi trường; - Hệ thống thông tin quản lý, điều hành nghiệp vụ của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học. 	<p>nbca.gov.vn</p> <p>thuvien.cebid.vn</p>	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
VII	Lĩnh vực Biển và Hải đảo			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; - Cổng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; - Hệ thống lưu trữ dữ liệu thông tin biển đảo. - CSDL địa hình đáy biển; CSDL ranh giới biển Việt Nam; - CSDL khí tượng thủy văn biển; - CSDL địa chất khoáng sản biển; 	<p>vasi.monre.gov.vn</p>	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	

	<ul style="list-style-type: none"> - CSDL dầu khí; CSDL môi trường biển; - CSDL tài nguyên đất ven biển và hải đảo Việt Nam; - CSDL tài nguyên nước vùng ven biển và đảo Việt Nam; - CSDL ảnh vệ tinh phục vụ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường biển; - CSDL các điều kiện tự nhiên, tài nguyên vị thế, kỳ quan sinh thái biển; - CSDL đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy, hải sản vùng biển Việt Nam; - CSDL phục vụ các nhiệm vụ kinh tế kỹ thuật và quốc phòng an ninh trên biển và thềm lục địa Việt Nam; - CSDL về hệ thống các cửa sông và hệ thống đê biển; - CSDL tổng hợp với các bộ dữ liệu về kinh tế xã hội; thiên tai biển; giao thông vận tải biển và dữ liệu về các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ biển) - Hệ thống phần mềm ứng dụng bàn giao và kiểm tra khu vực biển trên thực địa; - CSDL về giao khu vực biển; - CSDL nền hải đồ điện tử thống nhất, theo dõi quản lý và kiểm tra, giám sát các hoạt động của khu vực biển đã giao. - Phần mềm và CSDL các kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; - Phần mềm khai thác và phát triển CSDL tài nguyên môi trường biển. 			
VIII	Lĩnh vực Biến đổi khí hậu			
	<p>Cổng thông tin điện tử Cục Biến đổi khí hậu; Hệ thống báo cáo kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu. - CSDL Biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng - CSDL về thiên tai khí hậu; - CSDL về kinh bản nước biển dâng, ứng phó với biến đổi khí hậu; - CSDL giám sát về biến đổi khí hậu; 	dcc.monre.gov.vn	Cục Biến đổi khí hậu	

IX	Lĩnh vực Viễn thám			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử Cục Viễn thám quốc gia; - Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia. - CSDL viễn thám đa mục tiêu vùng đồng bằng sông Cửu Long; - CSDL giám sát môi trường biển và hải đảo bằng công nghệ viễn thám; - CSDL viễn thám quốc gia; - CSDL giám sát sỏi lở khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám. 	nrsd.monre.gov.vn csdlvtqg.gov.vn	Cục Viễn thám quốc gia	
X	Các đơn vị trực thuộc Bộ			
1	Trang thông tin Viện chiến lược chính sách tài nguyên môi trường	isponre.gov.vn/	Viện chiến lược chính sách tài nguyên môi trường	
2	Hệ thống hỗ trợ Hội đồng EPR quốc gia	epr.monre.gov.vn/	Vụ Pháp chế	
3	Cổng thông tin điện tử của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; Hệ thống thư điện tử; Hệ thống mạng và máy chủ HPC.	http://imh.ac.vn mail.imh.ac.vn	Viện Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử Viện Khoa học Môi trường, biển và hải đảo; - Hệ thống quản lý công việc. 	visi.ac.vn srisai.vn vemsi.vn	Viện Khoa học Môi trường, biển và hải đảo	
4	Trang thông tin điện tử Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.	innet.gov.vn	Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	
6	Trang thông tin điện tử Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường.	monremedia.vn monrenews.gov.vn tainguyenmoitruong.gov.vn	Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường	
7	Báo Điện tử Tài nguyên và Môi trường.	baotainguyenmoitruong.vn	Báo Tài nguyên và Môi trường	

8	Trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.	vepf.vn	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	
9	- Trang thông tin điện tử Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội - Phần mềm Quản lý đào tạo - Phát triển theo hướng quản trị đại học; - Hệ thống Thư viện điện tử.	hunre.edu.vn/	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	
10	- Trang thông tin điện tử Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM; - Quản lý thư viện điện tử; - Quản lý đào tạo, sau đại học; - Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.	hcmunre.edu.vn/	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM	

Phụ lục 3

Danh sách đơn vị chuyên trách về thông tin dữ liệu, công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố	Đơn vị chuyên trách về thông tin dữ liệu, công nghệ thông tin
1	An Giang	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
3	Bạc Liêu	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường
4	Bắc Giang	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất
5	Bắc Kạn	Phòng Công nghệ thông tin - lưu trữ
6	Bắc Ninh	Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
7	Bến Tre	Trung tâm Công nghệ thông tin
8	Bình Dương	Trung tâm Công nghệ thông tin lưu trữ tài nguyên và môi trường
9	Bình Định	Văn phòng Đăng ký đất đai
10	Bình Phước	Văn phòng Đăng ký đất đai
11	Bình Thuận	Trung tâm Công nghệ thông tin
12	Cà Mau	Văn phòng Đăng ký đất đai
13	Cao Bằng	Văn phòng Đăng ký đất đai
14	Cần Thơ	Văn phòng Đăng ký đất đai
15	Đà Nẵng	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
16	Đắk Lắk	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
17	Đắk Nông	Văn phòng Đăng ký đất đai
18	Điện Biên	Văn phòng Đăng ký đất đai
19	Đồng Nai	Trung tâm Công nghệ thông tin
20	Đồng Tháp	Văn phòng Đăng ký đất đai
21	Gia Lai	Trung tâm Công nghệ thông tin
22	Hà Giang	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
23	Hà Nam	Văn phòng Đăng ký đất đai
24	Hà Nội	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường
25	Hà Tĩnh	Văn phòng Đăng ký đất đai

STT	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố	Đơn vị chuyên trách về thông tin dữ liệu, công nghệ thông tin
26	Hải Dương	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
27	Hải Phòng	Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu, Thông tin tài nguyên và môi trường
28	Hậu Giang	Văn phòng Đăng ký đất đai
29	Hòa Bình	Văn phòng Đăng ký đất đai
30	Hồ Chí Minh	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
31	Hung Yên	Văn phòng Đăng ký đất đai
32	Kiên Giang	Văn phòng Đăng ký đất đai
33	Kon Tum	Văn phòng Đăng ký đất đai
34	Khánh Hòa	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
35	Lai Châu	Văn phòng Đăng ký đất đai
36	Lạng Sơn	Văn phòng Đăng ký đất đai
37	Lào Cai	Văn phòng Đăng ký đất đai
38	Lâm Đồng	Văn phòng Đăng ký đất đai
39	Long An	Văn phòng Đăng ký đất đai
40	Nam Định	Trung tâm Thông tin, dữ liệu và Phát triển quỹ đất
41	Ninh Bình	Văn phòng Đăng ký đất đai
42	Ninh Thuận	Văn phòng Đăng ký đất đai
43	Nghệ An	Trung tâm Công nghệ thông tin
44	Phú Thọ	Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ tài nguyên và môi trường
45	Phú Yên	Văn phòng Đăng ký đất đai
46	Quảng Bình	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
47	Quảng Nam	Văn phòng Đăng ký đất đai
48	Quảng Ninh	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
49	Quảng Ngãi	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
50	Quảng Trị	Văn phòng Đăng ký đất đai
51	Sóc Trăng	Trung tâm Công nghệ thông tin
52	Sơn La	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
53	Tây Ninh	Văn phòng Đăng ký đất đai
54	Tiền Giang	Trung tâm Công nghệ thông tin

STT	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố	Đơn vị chuyên trách về thông tin dữ liệu, công nghệ thông tin
55	Tuyên Quang	Văn phòng Đăng ký đất đai
56	Thái Bình	Văn phòng Đăng ký đất đai
57	Thái Nguyên	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
58	Thanh Hóa	Trung tâm Dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường
59	Thừa Thiên Huế	Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
60	Trà Vinh	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
61	Vĩnh Long	Văn phòng Đăng ký đất đai
62	Vĩnh Phúc	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
63	Yên Bái	Văn phòng Đăng ký đất đai